TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2026/HSST
Ngày: 24/03/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo
Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Mỹ
2. Bà Lê Thị Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Chiến Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 10/2026/TLST- HS ngày 08/01/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/HSST-QĐ ngày 10/03/2026 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2026 và đối với bị cáo:

Họ và tên: **LÊ VĂN C,** sinh ngày 11/5/1966; tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Số CCCD: 079066041678 cấp ngày 12/8/2021, nơi cấp Cục C06 Bộ C1; Nơi cư trú: 1 X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N đã chết và bà Nguyễn Thị N1 đã chết; Vợ: Bùi Thị Thảo T, sinh năm 1972 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền sự: không; tiền án: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 12/05/2025 tại Trại tạm giam C - Phân Trại tạm giam G. "Bị cáo có mặt".

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Nguyễn Minh N2, sinh năm 1981 "vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt".

Địa chỉ: 1 D, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 21 giờ 36 ngày 04/4/2025, tại trước Giáo xứ T, đường Đ, phường P, Tổ C Số A Công an T4 tiến hành kiểm tra, phát hiện Nguyễn Minh N2 (SN: 1981, nơi thường trú: 1 D, phường P, thành phố T) dương tính với ma túy loại C. N2 khai nguồn ma túy loại "bồ đà" dạng thảo mộc mua từ Lê Văn C và đã sử dụng hết một mình.

Công an Phường P, Tp . (nay là phường P, TP .) đã phối hợp với Công an P,

quận B, nay là Công an Phường T, TP . tiến hành truy xét xác định Lê Văn C (SN: 1966, nơi thường trú: 124/106/56 X, phường T) là đối tượng nghiện ma túy, để có tiền tiêu xài cá nhân và ma túy sử dụng C đã nhiều lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy (C) cho Nguyễn Minh N2. Quá trình điều tra xác định:

Thông qua T1 "bồ đà" (không rõ lai lịch) là bạn quen ngoài xã hội, cũng là người sử dụng "bồ đà", làm nghề chạy xe ôm giới thiệu, Nguyễn Minh N2 biết Lê Văn C có bán ma túy Cần sa (hay còn gọi là bồ đà). Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên N2 đã đến gặp C trực tiếp 03 lần, mỗi lần đều hỏi mua 300.000 đồng/01 lần (03 gói) ma túy Cần sa về sử dụng cho bản thân và đều giao, nhận trực tiếp, thanh toán bằng tiền mặt, số tiền hưởng lợi từ việc bán ma túy C đều sử dụng hết cho tiêu xài cá nhân. Cụ thể:

Lần đầu: Vào khoảng 18 giờ 00, giữa tháng 02/2025, T1 "bồ đà" dẫn Nguyễn Minh N2 vào nhà Lê Văn C tại số A X, phường T tìm gặp và giới thiệu N2 là khách đi xe ôm cần sử dụng Cần sa nên chỉ N2 gặp C để mua ma túy. Sau khi thoả thuận mua ma túy giữa N2 và C thì C cầm 300.000 đồng của N2 đón xe ôm chở đến Công trường M, phường B, TP . gặp 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) để mua 04 gói nylon chứa Cần sa với giá 200.000 đồng, C trả 50.000 đồng tiền xe ôm, hưởng lợi 50.000 đồng. Trong 04 gói Cần sa thì C giữ lại 01 gói nylon Cần sa để C sử dụng riêng, sau đó về đưa cho N2 03 gói nylon Cần sa, rồi N2 mang về sử dụng một mình tại nhà hết.

Lần 2: Khoảng 18 giờ 00, giữa tháng 03/2025, N2 một mình đến nhà C, N2 cũng đưa 300.000 đồng mua ma túy Cần sa, C cũng đón xe ôm đến công trường Mê L gặp người đàn ông lần trước mua 04 gói nylon Cần sa giá 200.000 đồng, trả tiền xe ôm 50.000 đồng, tiền nước uống 50.000 đồng và giữ lại 01 gói nylon Cần sa sử dụng riêng, đưa 03 gói nylon Cần sa còn lại đưa cho N2 đi về.

Lần 3: Khoảng 20 giờ 00 ngày 30/03/2025, trong lúc C đang ngồi tại nhà nhậu với người bạn tên T (không rõ lai lịch) bạn cũ vợ của C thì N2 đi xe mô tô đến đứng phía ngoài trước, thấy N2 đến nên C đi ra gặp, như những lần trước N2 lại đưa 300.000 đồng cho C để mua Cần sa, C cầm tiền của N2 đi ra ngoài đường Xô Viết Nghệ T2 đón xe ôm đến công trường Mệ L1 gặp người đàn ông đã mua lần trước để mua 04 gói nylon Cần sa giá 200.000 đồng, trả tiền xe ôm 50.000 đồng, tiền nước uống 50.000 đồng và giữ lại 01 gói nylon Cần sa sử dụng riêng, đưa 03 gói nylon Cần sa còn lại đưa cho N2 đi về.

Tổng số tiền Lê Văn C thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy cho Nguyễn Minh N2 là 150.000 đồng, C đã tiêu xài cá nhân và 03 (ba) gói ma túy Cần sa đã sử dụng hết một mình. Việc C hoạt động mua bán trái phép chất ma túy do một mình C thực hiện, không có ai tham gia và biết việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an T4, Lê Văn C đã khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Minh N2, biên bản đối chất, nhận dạng và các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy: Lê Văn C dương tính ma túy loại THC (C).

Tại Cáo trạng số 149/CT-VKSKV5 ngày 05/01/2026 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 đã truy tố bị cáo Lê Văn C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5, Tp . đã truy tố.

Tại phiên toà, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Minh N2 vắng mặt, tại các bản khai trong quá trình điều tra, ông N2 khai nhận đã liên hệ C để mua ma túy về sử dụng cho bản thân như cáo trạng nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành Phố Hồ Chí Minh giữ quan điểm truy tố bị cáo Lê Văn C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025, xử phạt bị cáo Lê Văn C từ 07 (B) đến 08 (T3) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Ngoài ra, buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng để thu nộp ngân sách nhà nước; do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Quá trình tranh luận, đối đáp, bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã nêu, không phát sinh tình tiết nào mới.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo Lê Văn C thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và rất ăn ăn hối hận, xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ để sớm về với gia đình, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T4, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành Phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn C phù hợp với lời khai tại Cơ quan Điều tra và còn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Kết quả xét nghiệm chất ma túy cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ cơ sở kết luận: Để thoản mãn nhu cầu của bản thân bị cáo đã thực hiện 03 lần hành vi mua bán ma túy với Nguyễn Minh N2, cụ thể: Lần đầu: Vào khoảng 18 giờ 00, giữa tháng 02/2025, Lần 2: Khoảng 18 giờ 00, giữa tháng 03/2025; Lần 3: Khoảng 20 giờ 00 ngày 30/03/2025. Mỗi lần, N2 mua ma túy của bị cáo C số tiền là 300.000 đồng. Bị cáo C đã hưởng lợi và 03 gói cần sa để sử dụng cho bản thân và 150.000 đồng trong đó dùng uống nước hết 100.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp "Phạm tội 02 lần trở lên". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025. Do vậy, cáo trạng truy tố đối với các bị cáo là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Minh N2, Công an phường T4 đã ban hành Quyết định xử phạt hành chính số 0014131/QĐ-XPHC ngày 10/4/2025 đối với hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với đối tượng tên T1 "bồ đà" là người giới thiệu N2 mua ma túy của C và đối tượng bán ma túy (không rõ lai lịch) cho Lê Văn C, do C và N2 khai nhận không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục truy xét, có cơ sở sẽ xử lý sau.

[3]] Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, xâm phạm trật tự, trị an và an ninh xã hội, xâm phạm đến chính sách của nhà nước về đấu tranh phòng ngừa và loại bỏ ma túy ra khỏi cuộc sống xã hội. Bị cáo biết rõ ma túy là loại biệt dược độc hại, đã, đang và sẽ hủy hoại cả về thể chất lẫn tinh thần của những người nghiện hút, do đó nhà nước ta đã nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, mua bán và vận chuyển trái phép chất ma túy và quy định trừng phạt nghiêm khắc với những ai cố tình vi phạm. Bị cáo là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng vì động cơ tư lợi và mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy trái phép của bản thân mà cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần có mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên khi lượng hình có xét đến tình tiết các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Lê Văn C không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

Ngoài ra, tại phiên tòa bị cáo Lê Văn C xác nhận quá trình mua bán ma túy đã thu lợi bất chính số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và đồng ý nộp lại. Do đó, buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) đồng để thu nộp ngân sách nhà nước như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Không có gì xử lý.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt Lê Văn C 07 (B) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2025.

- Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025

Buộc Lê Văn C nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn) đồng để thu nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
. Bị cáo; (1)
. Người tham gia tố tụng; (1)
. CA TPHCM (PV 06); (1)
. Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam Gia Định; (1)
. TAND TP.HCM;
. VKSND Tp. Hồ Chí Minh; (1)
. VKSND Khu vực 5, Tp. Hồ Chí Minh; (1)
. THADS Tp. Hồ Chí Minh (Phòng THADS Khu vực 5); (2)
. Thi hành án hình sự; (2)
. Lưu VP - hồ sơ. (6)
(3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thảo